

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 14 - 8 - 2018

V/v tranh chấp chia tài sản chung của
vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Nhớ là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 23/2018/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 về việc “*Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 55/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 141/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cụ Nguyễn Văn L, sinh năm 1941.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện D, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Cụ Võ Kim T, sinh năm 1939.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện D, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện D, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Nguyễn Út G, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp Q, xã K, huyện P, tỉnh Cà Mau.

3. Ngân hàng N- Chi nhánh huyện D.

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn D, huyện D, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Cụ Nguyễn Văn L – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Cụ Nguyễn Văn L và cụ Võ Kim T là vợ chồng, có chung 01 phần đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc ấp T, xã H, huyện D, phần đất do cụ L đứng tên trong giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) với diện tích 48.700m². Nguồn gốc phần đất trên là của cụ Võ Tấn N (*cha ruột của cụ T*) cho hai cụ.

Phần đất nêu trên, hiện cụ T quản lý diện tích 18.000m², cụ L quản lý diện tích 6.700m². Phần diện tích đất còn lại các con của cụ L và cụ T quản lý gồm: Bà Nguyễn Thị N quản lý diện tích 6.000m², ông Nguyễn Văn T2 quản lý diện tích 6.000m², ông Nguyễn Văn T3 quản lý diện tích 6.000m² và ông Nguyễn Út N1 quản lý diện tích 6.000m². Việc cụ T phân chia đất cho hai người con là bà Nguyễn Thị T1 02 công và Nguyễn Út G 05 công (trong phần đất 18.000m² do cụ T quản lý) thì cụ L không biết và không đồng ý.

Nay cụ L yêu cầu gộp hai phần đất mà hai cụ quản lý, với tổng diện tích 24.700m² (bao gồm phần cụ L quản lý 6.700m² và phần cụ T quản lý 18.000m²), rồi chia đôi, mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$, cụ L yêu cầu được nhận đất. Riêng các phần đất cụ L và cụ T đã cho các con là bà N, ông T2, ông T3 và ông Út N1, cụ L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cụ T không đồng ý theo yêu cầu của cụ L. Cụ T yêu cầu giữ nguyên diện tích các phần đất mà hai cụ đã tự phân chia.

Tại bản án sơ thẩm số 55/2018/HNGĐ-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện D quyết định:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 35; Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 165 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 38; khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Văn L về việc yêu cầu chia đôi phần đất có diện tích 23.613m² cho cụ và cụ Võ Kim T mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn văn L về việc chia tài sản.

- Cụ Nguyễn Văn L được hưởng phần đất có diện tích 7.054m² tọa lạc ấp T, xã H, huyện D, tỉnh Cà Mau có vị trí như sau:

Phía Đông giáp phần đất của Đinh Sa Ri điểm M5M6, dài 33,5m;

Phía Tây giáp lộ bê tông điểm M3M7, dài 26m;

Phía Nam giáp phần đất của Nguyễn Út N1 điểm M6M7, dài 221m;

Phía Bắc giáp phần đất của Đinh Sa Ri điểm M3M4, dài 96m và điểm M4M5, dài 120,7m;

Phần đường kinh xô vuông:

Phía Đông giáp lộ bê tông điểm M2M8, dài 4,5m;

Phía Tây giáp sông Tân Thành điểm M1M9, dài 4,5m

Phía Nam giáp phần đất cụ T cho con cất nhà ở điểm M8M9, dài 56m;

Phía Bắc giáp phần đất của Đinh Sa Ri điểm M1M2, dài 56m;

- Cụ Võ Kim T được hưởng phần đất có diện tích 16.559m² tọa lạc ấp T, xã H, huyện D, tỉnh Cà Mau có vị trí như sau:

Phía Đông giáp phần đất của Lý Hoàng Huy điểm Q2Q3, dài 28,5m và Nguyễn Thị N điểm Q4Q5, dài 8,8m;

Phía Tây giáp lộ bê tông điểm Q1Q7, dài 22,7m;

Phía Nam giáp phần đất của Nguyễn Thị N điểm Q3Q4, dài 131m và Nguyễn Văn T3 điểm Q5Q6, dài 329,5m và điểm Q6Q7, dài 83m;

Phía Bắc giáp phần đất của Nguyễn Út N1 điểm Q1Q2, dài 536m;

Phần đường kinh xố vuông:

Phía Đông giáp lộ bê tông điểm Q8Q11, dài 8,9m;

Phía Tây giáp sông Tân Thành điểm Q9Q10, dài 8,9m;

Phía Nam giáp phần đất của Nguyễn Văn T3 điểm Q8Q9, dài 58m;

Phía Bắc giáp phần đất cụ T cho con cất nhà ở điểm Q10Q11, dài 58m;

3. Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được chia.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

- Cụ Nguyễn Văn L phải chịu chi phí với số tiền là 2.250.000đ, cụ L có nộp tiền tạm ứng chi phí 5.000.000đ nên được đối trừ, cụ Nguyễn Văn L được nhận lại 2.750.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D do cụ Võ Kim T nộp.

- Cụ Võ Kim T phải chịu chi phí với số tiền 2.750.000đ. Buộc cụ Võ Kim T phải có nghĩa vụ nộp số tiền 2.750.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D để hoàn trả cho cụ Nguyễn Văn L.

5. Về án phí dân sự:

Cụ Nguyễn Văn L và cụ Võ Kim T không phải chịu án phí dân sự.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/4/2018, cụ Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chia phần đất có diện tích 23.613m² cho mỗi người được hưởng ½.

Tại phiên tòa phúc thẩm cụ L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự: Hủy bản án sơ thẩm số 55/2018/HNGĐ-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện D, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện D giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất tranh chấp do cụ Nguyễn Văn L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) với diện tích 48.700m², phần đất tọa lạc ấp T, xã H, huyện D, tỉnh Cà Mau.

[2] Tại cấp sơ thẩm, cụ L trình bày vào năm 2004 có thế chấp giấy CNQSDĐ tại G(Agribank) chi nhánh huyện D vay 10.000.000đ, hiện nay chưa trả. Tại đơn từ chối tham gia xét xử gửi Tòa án nhân dân huyện D, Agribank chi nhánh huyện D xác định “Hiện tại cụ Nguyễn Văn L và cụ Võ Kim T không còn nợ tại Ngân hàng”.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 03/7/2018, cụ Nguyễn Văn L có trình bày là hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ vẫn đang thế chấp tại Agribank – Chi nhánh huyện D để bảo đảm cho số nợ vay của ông Nguyễn Văn T3 (con ruột của cụ L và cụ T) và hiện nay số tiền nợ của ông T3 vẫn chưa trả hết cho Ngân hàng.

Tại biên bản làm việc vào ngày 18/7/2018, ông Hồ Thanh T4, Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh, đại diện Agribank – Chi nhánh huyện D xác định con cụ L và cụ T là ông Nguyễn Văn T3 còn nợ Ngân hàng 10.000.000đ, khoản vay của ông T3 là khoản vay tín chấp, có thể chấp giấy CNQSDĐ của cụ Nguyễn Văn L, do cụ L có giấy ủy quyền cho ông T3 được thế chấp. Trong trường hợp Tòa án không chấp nhận kháng cáo của cụ L, phía Ngân hàng yêu cầu ông T3 phải có trách nhiệm thanh toán hết số tiền gốc và lãi là 10.074.000đ cho Ngân hàng.

Agribank – Chi nhánh tỉnh Cà Mau cung cấp cho Tòa án tỉnh Cà Mau bản phô tô hợp đồng tín dụng số 2017/HĐTD ngày 09/6/2017 đã ký giữa Agribank – chi nhánh huyện D và khách hàng Nguyễn Văn T3; bản phô tô giấy ủy quyền ngày 08/6/2017 của cụ Nguyễn Văn L cho ông Nguyễn Văn T3 quan hệ giao dịch với Agribank – chi nhánh huyện D; bản phô tô giấy CNQSDĐ của cụ Nguyễn Văn L số C 291794, diện tích 48.700m².

[3] Do đó có căn cứ xác định trước khi cụ L khởi kiện thì cụ đã dùng giấy CNQSDĐ để bảo lãnh cho con là ông Nguyễn Văn T3 vay tiền tại Agribank – Chi nhánh huyện D, cấp sơ thẩm không đưa ông T3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xem xét giải quyết số tiền vay và trách nhiệm bảo lãnh trong cùng vụ án là thiếu sót, vi phạm khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện D để khắc phục thiếu sót nêu trên, nhằm giải quyết triệt để vụ án.

Tuy nhiên, do giai đoạn sơ thẩm cụ L trình bày cụ có vay Agribank - Chi nhánh huyện D, còn Agribank - Chi nhánh huyện D thì xác định cụ L, cụ T hiện không còn nợ, các đương sự không trình bày việc cụ L bảo lãnh bằng giấy CNQSDĐ cho con của cụ là ông Nguyễn Văn T3 vay, nên cấp sơ thẩm không thể biết được tình tiết nêu trên. Do đó, đây là tình tiết mới ở cấp phúc thẩm, dẫn đến cần phải hủy án sơ thẩm.

[4] Lưu ý cấp sơ thẩm khi giải quyết lại vụ án, nếu có căn cứ xác định việc cụ L dùng giấy CNQSDĐ (đang tranh chấp) để bảo lãnh cho ông Nguyễn Văn T3 vay là đúng theo quy định của pháp luật (vì cấp phúc thẩm chưa làm việc cụ thể

với Ngân hàng để xác định trình tự, thủ tục bảo lãnh có đúng quy định hay không), thì phải đối chiếu với quy định của Bộ luật dân sự để xem xét việc cụ L có được quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản khi đã thế chấp cho ngân hàng để bảo lãnh nợ vay hay không? Ngoài ra còn lưu ý làm rõ nguyên đơn tên Nguyễn Văn L nhưng trong giấy CNQSDĐ tên Nguyễn Hoàng L.

[5] Như vậy, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị hủy toàn bộ bản án là có căn cứ chấp nhận.

Do hủy án nên không xem xét kháng cáo của cụ Nguyễn Văn L.

[6] Án phí phúc thẩm cụ Nguyễn Văn L không phải chịu và đã được miễn nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 68; khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy toàn bộ bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 55/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện D.

Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện D để giải quyết theo thủ tục chung.

Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Cụ Nguyễn Văn L được miễn nộp.

Bản án phúc phẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Cao Khánh